|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: 1185/QĐ-UBND | *Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 05 năm 2019* |

**QUYẾT ĐỊNH**

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số*[*61/2018/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-61-2018-nd-cp-co-che-mot-cua-mot-cua-lien-thong-trong-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-357427.aspx)*ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số*[*01/2018/TT-VPCP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-01-2018-tt-vpcp-co-che-mot-cua-mot-cua-lien-thong-trong-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-400735.aspx)*ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số*[*61/2018/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-61-2018-nd-cp-co-che-mot-cua-mot-cua-lien-thong-trong-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-357427.aspx)*ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.**UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm Hệ thống xử lý một cửa tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 3.**Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.**Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 4; - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh; - Các PCVP và các CV; - Trung tâm phục vụ HCC tỉnh; - Cổng TTĐT tỉnh; - Lưu: VT, KSNC. | **CHỦ TỊCH     Phan Ngọc Thọ** |

**PHỤ LỤC**

QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT UBND CẤP XÃ TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH**

**1. ĐĂNG KÝ KHAI SINH**

- Thời hạn giải quyết: Trong ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.)

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 01 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **08 giờ làm việc** |

**2. ĐĂNG KÝ KẾT HÔN**

- Thời hạn giải quyết: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo). Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ*(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | - 04 giờ làm việc |
| - Trong trường hợp cần phải tiến hành xác minh thì Công chức tư pháp-hộ tịch tiến hành xác minh | - 32 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 01 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu, chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC không tiến hành xác minh** | |  | **08 giờ làm việc** |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC cần phải xác minh** | |  | **40 giờ làm việc** |

**3. ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON**

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | - 15 giờ làm việc |
| - Trong trường hợp cần phải tiến hành xác minh thì Công chức tư pháp-hộ tịch tiến hành xác minh | - 40 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người có yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC không tiến hành xác minh** | |  | **24 giờ làm việc** |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC phải tiến hành xác minh** | |  | **64 giờ làm việc** |

**4. ĐĂNG KÝ KHAI SINH KẾT HỢP ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON**

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | - 15 giờ làm việc |
| - Trong trường hợp cần phải tiến hành xác minh thì Công chức tư pháp-hộ tịch tiến hành xác minh | - 40 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người có yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC không tiến hành xác minh** | |  | **24 giờ làm việc** |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC phải tiến hành xác minh** | |  | **64 giờ làm việc** |

**5. ĐĂNG KÝ KHAI TỬ**

- Thời hạn giải quyết: Trong ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.)

- Quy trình nội bộ, quy trình diện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),* chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 01 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người có yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **08 giờ làm việc** |

**6. ĐĂNG KÝ KHAI SINH LƯU ĐỘNG**

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký khai sinh lưu động | - Chuẩn bị đầy đủ mẫu Tờ khai đăng ký khai sinh, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.  - Tại địa điểm đăng ký hộ tịch lưu động, công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn người yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký khai sinh; kiểm tra các giấy tờ làm cơ sở cho việc đăng ký khai sinh | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 02 giờ làm việc |
| Bước 6 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Đem theo Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh để trả kết quả cho người có yêu cầu tại địa điểm đăng ký lưu động | 08 giờ làm việc |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **40 giờ làm việc** |

**7. ĐĂNG KÝ KẾT HÔN LƯU ĐỘNG**

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký kết hôn lưu động | - Chuẩn bị đầy đủ mẫu Tờ khai đăng ký kết hôn, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.  - Tại địa điểm đăng ký kết hôn lưu động, công chức tư pháp - hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, xác minh về điều kiện kết hôn của các bên; hướng dẫn người dân điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký kết hôn. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, công chức tư pháp - hộ tịch tiếp nhận hồ sơ viết Phiếu tiếp nhận. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu, chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 02 giờ làm việc |
| Bước 6 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi nội dung đăng ký vào Sổ đăng ký kết hôn; trao Giấy chứng nhận kết hôn cho các bên tại địa điểm đăng ký lưu động; cùng các bên kết hôn ký vào Sổ theo quy định. | 08 giờ làm việc |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **40 giờ làm việc** |

**8. ĐĂNG KÝ KHAI TỬ LƯU ĐỘNG**

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký khai tử lưu động | - Chuẩn bị đầy đủ mẫu Tờ khai đăng ký khai tử, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.  - Tại địa điểm đăng ký khai tử lưu động, công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn người yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký khai tử, kiểm tra các giấy tờ làm cơ sở cho việc đăng ký khai tử. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức lư pháp-hộ tịch | Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 02 giờ làm việc |
| Bước 6 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Đem theo Trích lục khai tử và Sổ đăng ký khai tử để trả kết quả cho người có yêu cầu tại địa điểm đăng ký lưu động; công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai tử, cùng người yêu cầu ký vào Sổ. | 08 giờ làm việc |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **40 giờ làm việc** |

**9. ĐĂNG KÝ KHAI SINH CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI KHU VỰC BIÊN GIỚI**

- Thời hạn giải quyết: Trong ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.)

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới nơi công dân Việt Nam thường trú. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 01 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **08 giờ làm việc** |

**10. ĐĂNG KÝ KẾT HÔN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI KHU VỰC BIÊN GIỚI**

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới nơi công dân Việt Nam thường trú. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ*(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | - 15 giờ làm việc |
| - Trong trường hợp cần phải tiến hành xác minh điều kiện kết hôn thì Công chức tư pháp-hộ tịch tiến hành xác minh. | - 40 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu, chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC không tiến hành xác minh** | |  | **24 giờ làm việc** |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC phải tiến hành xác minh** | |  | **64 giờ làm việc** |

**11. ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI KHU VỰC BIÊN GIỚI**

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới nơi công dân Việt Nam thường trú. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),* chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | - Kiểm tra hồ sơ, niêm yết việc nhận cha, mẹ, con tại trụ sở Ủy ban nhân dân. Nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, dự thảo kết quả giải quyết báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. | - 48 giờ làm việc |
| - Trong trường hợp cần phải tiến hành xác minh điều kiện kết hôn thì Công chức tư pháp-hộ tịch tiến hành xác minh. | - 40 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 05 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC không tiến hành xác minh** | |  | **56 giờ làm việc** |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC phải tiến hành xác minh** | |  | **96 giờ làm việc** |

**12. ĐĂNG KÝ KHAI TỬ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI KHU VỰC BIÊN GIỚI**

- Thời hạn giải quyết: Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới nơi công dân Việt Nam thường trú. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),* chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | - 04 giờ làm việc |
| - Trong trường hợp cần phải tiến hành xác minh thì Công chức tư pháp-hộ tịch tiến hành xác minh. | - 16 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 01 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu phí, lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC không tiến hành xác minh** | |  | **08 giờ làm việc** |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC phải tiến hành xác minh** | |  | **24 giờ làm việc** |

**13. ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ**

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người giám hộ. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 18 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 03 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu, chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ Đăng ký giám hộ, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **24 giờ làm việc** |

**14. ĐĂNG KÝ CHẤM DỨT GIÁM HỘ**

- Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã. | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 09 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu, chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ Đăng ký giám hộ, người đi đăng ký ký vào sổ, Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **16 giờ làm việc** |

**15. THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH, BỔ SUNG HỘ TỊCH**

**15.1 THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH HỘ TỊCH**

- Thời hạn giải quyết:

03 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | - 17 giờ làm việc |
| - Trong trường hợp cần phải tiến hành xác minh thì Công chức tư pháp-hộ tịch tiến hành xác minh | - 24 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **24 giờ làm việc** |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC phải tiến hành xác minh** | |  | **48 giờ làm việc** |

**15.2 BỔ SUNG HỘ TỊCH**

- Thời hạn giải quyết: Ngay trong ngày làm việc. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu bổ sung hộ tịch.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 01 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **08 giờ làm việc** |

**16. CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN**

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc. Trường hợp phải gửi văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính).

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | - 17 giờ làm việc |
| - Trong trường hợp cần phải tiến hành xác minh thì Công chức tư pháp-hộ tịch tiến hành xác minh. | - 24 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào sổ, Trả kết quả cho người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC không tiến hành xác minh** | |  | **24 giờ làm việc** |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC phải tiến hành xác minh**  (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính). | |  | **48 giờ làm việc** |

**17. ĐĂNG KÝ LẠI KHAI SINH**

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính).

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ*(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | - 31 giờ làm việc |
| - Trong trường hợp cần phải tiến hành xác minh thì Công chức tư pháp-hộ tịch tiến hành xác minh. | - 64 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người có yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC không tiến hành xác minh** | |  | **40 giờ làm việc** |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC phải tiến hành xác minh**  (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính). | |  | **104 giờ làm việc** |

**18. ĐĂNG KÝ KHAI SINH CHO NGƯỜI ĐÃ CÓ HỒ SƠ, GIẤY TỜ CÁ NHÂN**

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính).

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),* chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | - 31 giờ làm việc |
| - Trong trường hợp cần phải tiến hành xác minh thì Công chức tư pháp-hộ tịch tiến hành xác minh. | - 64 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người có yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC không tiến hành xác minh** | |  | **40 giờ làm việc** |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC phải tiến hành xác minh**  (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính). | |  | **104 giờ làm việc** |

**19. ĐĂNG KÝ LẠI KẾT HÔN**

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính).

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),* chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | - 31 giờ làm việc |
| - Trong trường hợp cần phải tiến hành xác minh thì Công chức tư pháp-hộ tịch tiến hành xác minh. | - 64 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người có yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC không tiến hành xác minh** | |  | **40 giờ làm việc** |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC phải tiến hành xác minh**  (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính). | |  | **104 giờ làm việc** |

**20. ĐĂNG KÝ LẠI KHAI TỬ**

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | - 31 giờ làm việc |
| - Trong trường hợp cần phải tiến hành xác minh thì Công chức tư pháp-hộ tịch tiến hành xác minh. | - 40 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí, chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào Sổ, Trả kết quả cho người có yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC không tiến hành xác minh** | |  | **40 giờ làm việc** |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC phải tiến hành xác minh** | |  | **80 giờ làm việc** |

**21. CẤP BẢN SAO TRÍCH LỤC HỘ TỊCH**

- Thời hạn giải quyết: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),* chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 01 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu phí, chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **08 giờ làm việc** |

**22. LIÊN THÔNG CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ, CẤP THẺ BẢO HIỂM Y TẾ CHO TRẺ EM DƯỚI 6 TUỔI**

- Thời hạn giải quyết:

Thời hạn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi tối đa không quá *10 ngày làm việc*, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định mà Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã phải hoàn thiện hồ sơ, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan Công an, cơ quan Bảo hiểm xã hội thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ*(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết Đăng ký khai sinh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký cấp Giấy khai sinh cho trẻ em. | 01 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu, chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức được UBND cấp xã giao nhiệm vụ lập hồ sơ đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm cho trẻ | - Địa bàn huyện thì chuyển cho Công an xã, thị trấn thuộc huyện để đăng ký thường trú cho trẻ em;  - Địa bàn thị xã, thành phố thì chuyển cho Công an thị xã, thành phố để đăng ký thường trú cho trẻ em;  - Lập hồ sơ cấp Thẻ bảo hiểm y tế chuyển cho Bảo hiểm xã hội cấp huyện để cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em | 14 giờ làm việc |
| Bước 6 | Công an huyện/công an xã, Bảo hiểm xã hội cấp huyện, UBND cấp xã | Tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định mà Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã phải hoàn thiện hồ sơ, bổ sung thông tin. | 16 giờ làm việc |
| Bước 7 | - Công an huyện/công an xã | - Thực hiện đăng ký thường trú cho trẻ, chuyển trả kết quả đăng ký thường trú về UBND cấp xã. | 56 giờ làm việc |
| - Bảo hiểm xã hội cấp huyện | - Thực hiện cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em, thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em. | 48 giờ làm việc |
| Bước 8 | Bộ phận Văn phòng | Thu lệ phí khai sinh, đăng ký thường trú (nếu có). |  |
| Bước 9 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ hộ tịch, người đi đăng ký ký vào sổ, Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **96 giờ làm việc** |

**23. LIÊN THÔNG CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, CẤP THẺ BẢO HIỂM Y TẾ CHO TRẺ EM DƯỚI 6 TUỔI**

- Thời hạn giải quyết:

Thời hạn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi tối đa không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định mà Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã phải hoàn thiện hồ sơ, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan Bảo hiểm xã hội thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),* chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết Đăng ký khai sinh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký cấp Giấy khai sinh cho trẻ em. | 01 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu, chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức được UBND cấp xã giao nhiệm vụ lập hồ sơ cấp thẻ bảo hiểm, Bảo hiểm xã hội cấp huyện | - Lập hồ sơ cấp Thẻ bảo hiểm y tế chuyển cho Bảo hiểm xã hội cấp huyện để cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em  - Tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định mà Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã phải hoàn thiện hồ sơ, bổ sung thông tin. | 16 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bảo hiểm xã hội cấp huyện | Thực hiện cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em. | 48 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận Văn phòng | Thu lệ phí khai sinh (nếu có). |  |
| Bước 8 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào số hộ tịch, người đi đăng ký ký vào sổ, Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **72 giờ làm việc** |

**II. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI**

**1. ĐĂNG KÝ VIỆC NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC**

Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, trong đó:

- Kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, giao - nhận con nuôi: 20 ngày, kể từ ngày có ý kiến đồng ý của những người có liên quan

Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | - Tiến hành việc lập ý kiến của những người cho, người nhận con nuôi.  - Sau 20 ngày, kể từ ngày có ý kiến đồng ý của những người có liên quan, công chức tư pháp-hộ tịch xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 224 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 10 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 02 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi, người đi đăng ký ký vào Sổ, trao kết quả cho cá nhân/tổ chức. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **240 giờ làm việc** |

**2. ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC**

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ*(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 32 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 05 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu, chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi, người đi đăng ký ký vào Sổ, trao kết quả cho người có yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **40 giờ làm việc** |

**3. GIẢI QUYẾT VIỆC NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ Ở KHU VỰC BIÊN GIỚI NƯỚC LÁNG GIỀNG NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM LÀM CON NUÔI**

Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, trong đó:

- UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người có liên quan: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Sở Tư pháp có ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp.

Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã nơi trẻ em được nhận làm con nuôi thường trú | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người có liên quan và có văn bản gửi Sở Tư pháp kèm theo 01 bộ hồ sơ của người nhận con nuôi và của trẻ em để xin ý kiến. | 110 giờ làm việc |
| Bước 3 | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp xem xét hồ sơ xin nhận con nuôi và trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã. | 80 giờ làm việc |
| Bước 4 | Công chức Tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 40 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 05 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu, chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 7 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ nuôi con nuôi, người đi đăng ký ký vào Sổ, trao kết quả cho người có yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **240 giờ làm việc** |

**II. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC**

**1. Cấp bản sao từ sổ gốc**

- Thời hạn giải quyết: Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 01 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ, trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **08 giờ làm việc** |

**2. Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận**

- Thời hạn giải quyết: Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| - Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu | 10 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | - Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 01 giờ làm việc |
| - Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu | 06 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu, thu phí (nếu có) chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào số chứng thực, Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC không tiến hành xác minh** | |  | **08 giờ làm việc** |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu** | |  | **24 giờ làm việc** |

**3. Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)**

- Thời hạn giải quyết: Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho, người yêu cầu chứng thực.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),* chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 01 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ chứng thực; Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **08 giờ làm việc** |

**4. Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở**

- Thời hạn giải quyết: Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),* chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 11 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 02 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ chứng thực; Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **16 giờ làm việc** |

**5. Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch**

- Thời hạn giải quyết: Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),*chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 01 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào số chứng thực; Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **08 giờ làm việc** |

**6. Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch**

- Thời hạn giải quyết: Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),* chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 01 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ chứng thực; Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **08 giờ làm việc** |

**7. Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực**

- Thời hạn giải quyết: Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho người có yêu cầu.  - Số hóa hồ sơ*(trừ trường hợp trực tuyến),* chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 01 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ chứng thực; Trả kết quả cho người yêu cầu. |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **08 giờ làm việc** |

**8. Chứng thực di chúc**

- Thời hạn giải quyết: Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),* chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 11 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 02 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Chi vào sổ chứng thực; Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **16 giờ làm việc** |

**9. Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản**

- Thời hạn giải quyết: Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến)*, chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 11 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 02 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào số chứng thực; Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **16 giờ làm việc** |

**10. Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở**

- Thời hạn giải quyết: Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến)*, chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 11 giờ làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 02 giờ làm việc |
| Bước 4 | Bộ phận văn phòng | Đóng dấu và thu phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ chứng thực; Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **16 giờ làm việc** |

**11. Chứng thực văn bản khai nhận di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở**

- Thời hạn giải quyết: Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức.  - Số hóa hồ sơ *(trừ trường hợp trực tuyến),* chuyển hồ sơ cho công chức liên quan hoặc trực tiếp xử lý hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| Bước 2 | Công chức tư pháp-hộ tịch | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 11 giờ làm việc |
| Bước 3 | Người có thẩm quyền ký chứng thực | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 02 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Đóng dấu và thu lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức tư pháp-hộ tịch. | 01 giờ làm việc |
| Bước 5 | Công chức tư pháp-hộ tịch tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Ghi vào sổ chứng thực; Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **16 giờ làm việc** |

**III. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC**

**1. Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại ở cấp xã**

**1.1. Thời hạn giải quyết TTHC:**

- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản này.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017), cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi thường.

- Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau:

(1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường;

(2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.

- Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.

**1.2. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ. | 02 giờ làm việc |
| + Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính | 16 giờ làm việc |
| + Trường hợp yêu cầu bổ sung hồ sơ khi người yêu cầu gửi qua dịch vụ bưu chính | 88 giờ làm việc |
| Bước 2 | Chủ tịch UBND | Cử người giải quyết bồi thường | 14 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chủ tịch UBND | Tạm ứng kinh phí bồi thường | 120 giờ làm việc |
| Bước 4 | Người giải quyết bồi thường | - Xác minh thiệt hại | - 240 giờ làm việc |
| - Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp | - 120 giờ làm việc |
| Bước 5 | Người giải quyết bồi thường | Báo cáo xác minh thiệt hại | 24 giờ làm việc |
| Bước 6 | Người giải quyết bồi thường | - Thương lượng việc bồi thường | - 160 giờ làm việc |
| - Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp | - 40 giờ làm việc |
| Bước 7 | Chủ tịch UBND | Ra quyết định giải quyết bồi thường | 40 giờ làm việc |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **704 giờ làm việc** |
| **Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp** | |  | **864 giờ làm việc** |

**IV. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

**1. Công nhận hòa giải viên**

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện(\*)** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Trưởng ban Công tác Mặt trận | - Lập danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên |  |
| Bước 2 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 32 giờ làm việc |
| Bước 3 | Bộ phận văn phòng | Vào số văn bản, đóng dấu và thu phí, lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức chuyên môn hoặc trả kết quả cho cá nhân/ tổ chức (nếu được giao). | 8 giờ làm việc |
| Bước 4 | Công chức tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **40 giờ làm việc** |

**2. Công nhận Tổ trưởng tổ hòa giải**

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện(\*)** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Trường ban Công tác Mặt trận | - Làm văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải | 40 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 32 giờ làm việc |
| Bước 3 | Bộ phận văn phòng | Vào số văn bản, đóng dấu và thu phí, lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức chuyên môn hoặc trả kết quả cho cá nhân/ tổ chức (nếu được giao). | 8 giờ làm việc |
| Bước 4 | Công chức tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **80 giờ làm việc** |

**3. Công nhận tuyên truyền viên pháp luật**

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện(\*)** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức Tư pháp - Hộ tịch | - Thông báo công khai tiêu chuẩn tuyên truyền viên pháp luật; các quy định về công nhận tuyên truyền viên pháp luật  - Rà soát, lập danh sách người đủ tiêu chuẩn | tháng 9 hàng năm |
| Bước 2 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 32 giờ làm việc |
| Bước 3 | Bộ phận văn phòng | Vào số văn bản, đóng dấu và thu phí, lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức chuyên môn hoặc trả kết quả cho cá nhân/ tổ chức (nếu được giao) | 8 giờ làm việc |
| Bước 4 | Công chức tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **40 giờ làm việc** |

**4. Thôi làm hòa giải viên**

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện(\*)** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Trưởng ban Công tác Mặt trận | - Xem xét, xác minh, làm văn bản đề nghị các trường hợp thôi làm hòa giải viên | 80 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 32 giờ làm việc |
| Bước 3 | Bộ phận văn phòng | Vào số văn bản, đóng dấu và thu phí, lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức chuyên môn hoặc trả kết quả cho cá nhân/ tổ chức (nếu được giao). | 8 giờ làm việc |
| Bước 4 | Công chức tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **120 giờ làm việc** |

**5. Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật**

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện(\*)** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Công chức Tư pháp - Hộ tịch | Rà soát, lập danh sách các trường hợp cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật |  |
| Bước 2 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 16 giờ làm việc |
| Bước 3 | Bộ phận văn phòng | Vào số văn bản, đóng dấu và thu phí, lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức chuyên môn hoặc trả kết quả cho cá nhân/ tổ chức (nếu được giao). | 8 giờ làm việc |
| Bước 4 | Công chức tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **24 giờ làm việc** |

**6. Thanh toán thù lao cho hòa giải viên**

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Đơn vị/người thực hiện(\*)** | **Nội dung công việc** | **Thời gian thực hiện** |
| Bước 1 | Tổ trưởng tổ hòa giải | - Lập hồ sơ đề nghị thanh toán thù lao cho hòa giải viên. |  |
| Bước 2 | Lãnh đạo UBND cấp xã | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 32 giờ làm việc |
| Bước 3 | Bộ phận văn phòng | Vào số văn bản, đóng dấu và thu phí, lệ phí (nếu có), chuyển kết quả cho công chức chuyên môn hoặc trả kết quả cho cá nhân/ tổ chức (nếu được giao). | 8 giờ làm việc |
| Bước 4 | Công chức tại bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã | Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức |  |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | |  | **40 giờ làm việc** |